

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **184/2022/HNGĐ-ST**
Ngày : 07/6/2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ;
2. Ông Mai Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Trúc A**, sinh năm 1998. Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Tân, xã BM, huyện P, tỉnh An Giang. Địa chỉ cư trú hiện nay: ấp Tân Thạnh, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1990. Địa chỉ thường trú: số nhà 452C, tổ 13, ấp Bình Tân, xã BM, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc A trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị A và anh Nguyễn Hoàng H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2017, đăng ký ngày 02/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã TT cấp cho anh Nguyễn Hoàng H và chị Trần Thị Trúc A. Sau khi cưới, vợ chồng lên Bình Dương làm việc, sinh sống trên đó. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc và có với nhau một người con chung là cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 30/10/2017. Thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H mỗi khi uống rượu thì thường hay kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm, có lần đánh chị A. Đã nhiều lần chị A khuyên ngăn, cho anh H cơ hội nhưng anh H không có sự thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng dần nhạt phai. Tháng 7/2018, chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang. Do thời điểm đó anh H có năn nỉ và hứa sửa chữa lỗi lầm nên chị A đã rút lại yêu cầu khởi kiện và được Tòa án huyện PT đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó, vợ chồng về sống chung lại với nhau được một thời gian thì anh H lại không chăm lo cho gia đình, tiếp tục uống rượu, kiếm chuyện sinh sự với chị nhiều lần. Chị có khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi nên chị đã tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không còn hạnh phúc và không thể nào hàn gắn được nên chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Hiện cháu C đang sống cùng anh H. Theo đơn khởi kiện, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/4/2022, chị A thay đổi ý kiến về con chung. Do thấy con chung hiện tại đang sống với anh H và sợ anh H nghĩ chị giành con nên chị A đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung để cháu C sống ổn định. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A khai vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị A khai không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị A.

* Tòa án tiến hành xác minh, được biết anh Nguyễn Hoàng H hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 452C, tổ 13, ấp Bình Tân, xã BM, huyện P, tỉnh An Giang nhưng hiện nay anh H đi Bình Dương làm thuê, không có mặt ở nhà, có gia đình cha mẹ anh H đang sống tại địa phương.

* Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị A vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh H, đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh H vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và*

của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị A được ly hôn với anh H, giao con chung là cháu C cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: do anh H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: do chị A không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Trần Thị Trúc A khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng H, có địa chỉ cư trú tại xã BM, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị A và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2017, đăng ký ngày 02/02/2017 nên xét thấy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”

Tuy nhiên, theo chị A trình bày khi còn sống chung anh H mỗi lần uống rượu về là kiểm chuyện, chửi mắng, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm chị A nhiều lần, chị đã khuyên ngăn anh H nhưng vẫn không thay đổi. Tháng 7/2018 chị A có làm đơn yêu cầu ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang nhưng vì sau đó anh H có hứa thay đổi bản thân nên chị A đã đồng ý cho anh H cơ hội sửa chữa mà rút lại yêu cầu ly hôn.

Thế nhưng trong thời gian sống chung lại với nhau được một thời gian, anh H lại tiếp tục uống rượu, kiểm chuyện với chị, không chăm lo cho gia đình, chị đã tiếp tục khuyên nhưng anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng chung sống đã không còn hạnh phúc nên chị A đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Từ những mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng, chị A nhận thấy tình cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị A yêu cầu ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đều vắng mặt và không gửi văn bản ý kiến trình bày cho về việc chị A yêu cầu ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải, tạo điều kiện cho chị A và anh H có cơ hội gặp mặt, động viên, hòa giải, hàn gắn tình cảm lại với nhau nhưng anh H không đến. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ nhưng chị A vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh H. Điều này cho thấy cả chị A và anh H đã thật sự không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn chung sống cùng nhau và hơn hết cả hai đều không tha thiết hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh H đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[2.2] *Về con chung:*

Chị A và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 30/10/2017, hiện đang do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy cháu C đang sống ổn định với cha, chị A đồng ý để anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định, cũng như sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp thuận giao cháu C cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị A có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị A là người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Anh H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị A đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị A, anh H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chị A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc A.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Trúc A được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2017, đăng ký ngày 02 tháng 02 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Hoàng H và chị Trần Thị Trúc A không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 30/10/2017 cho anh Nguyễn Hoàng H được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện con chung đang sống cùng anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Anh H và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị A đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0003582 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên chị A không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Trúc A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã TT,
huyện PT, tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung